

CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI TỆ

Tổng quan về hoạt động kinh doanh ngoại tệ của NHTM

- Khái niệm kinh doanh ngoại tệ
- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ gồm
 - Mua ngoại tệ
 - Bán ngoại tệ
 - Chuyển đổi ngoại tệ

Tổng quan về hoạt động kinh doanh ngoại tệ của NHTM

- Định kỳ (cuối ngày/cuối tháng/cuối năm), NHTM xác định
 - Kết quả kinh doanh ngoại tệ: lỗ hay lãi
 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái: tăng hay giảm

TK mua bán ngoại tệ kinh doanh 4711

- Phản ánh số ngoại tệ mua bán kinh doanh (mở các tài khoản chi tiết theo từng ngoại tệ)
- Bên Có ghi số ngoại tệ mua vào
- Bên Nợ ghi số ngoại tệ bán ra
- Dư Có: số dư phản ánh số ngoại tệ mua vào chưa bán ra
- Trường hợp dư Nợ: số dư phản ánh số ngoại tệ bán ra lấy từ các nguồn khác chưa được bù đắp bởi số ngoại tệ mua vào do Quỹ ngoại tệ kinh doanh không đủ để bán ra. Tình trạng này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.

TK thanh toán mua bán ngoại tệ kinh doanh 4712

- Dùng để hạch toán giá trị VND chi ra mua ngoại tệ hoặc thu vào do bán ngoại tệ ra, tương ứng với số ngoại tệ mua vào bán ra trên TK 4711
- Bên Nợ ghi:
 - số VND thực tế chi ra để mua ngoại tệ
 - Kết chuyển chênh lệch lãi từ kinh doanh ngoại tệ
 - Kết chuyển chênh lệch tăng do tỷ giá hối đoái
- Bên Có ghi:
 - Số VND thực tế thu vào do bán ngoại tệ
 - Kết chuyển chênh lệch lỗ từ kinh doanh ngoại tệ
 - Kết chuyển chênh lệch giảm do tỷ giá hối đoái
- Dư Nợ: số tiền VND đã chi tương ứng với số ngoại tệ mua vào chưa bán ra

TK chênh lệch TGHĐ tại thời điểm lập báo cáo 6311

- Bên Có ghi số CL tăng do đánh giá lại giá trị ngoại tệ theo tỷ giá cuối kỳ
- Bên Nợ ghi số CL giảm do đánh giá lại giá trị ngoại tệ theo tỷ giá cuối kỳ
- Dư Có: phản ánh số CL Có (tăng) trong năm chưa kết chuyển
- Dư Nợ: phản ánh số CL Nợ (giảm) trong năm chưa kết chuyển
- Cuối năm, số dư TK được kết chuyển vào xác định kết quả kinh doanh

Các tài khoản khác

- TK tiền mặt ngoại tệ 1031
- TK tiền gửi thanh toán của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ 4221
- TK chuyển tiền phải trả bằng ngoại tệ 455
- TK tiền gửi của NHTM tại NHNN bằng VNĐ 1113
- TK tiền gửi của NHTM tại NHNN bằng ngoại tệ 1123
- TK Thu nhập về kinh doanh ngoại tệ 721
- TK Chi phí về kinh doanh ngoại tệ 821
- TK cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay 9231, 9232

Chứng từ

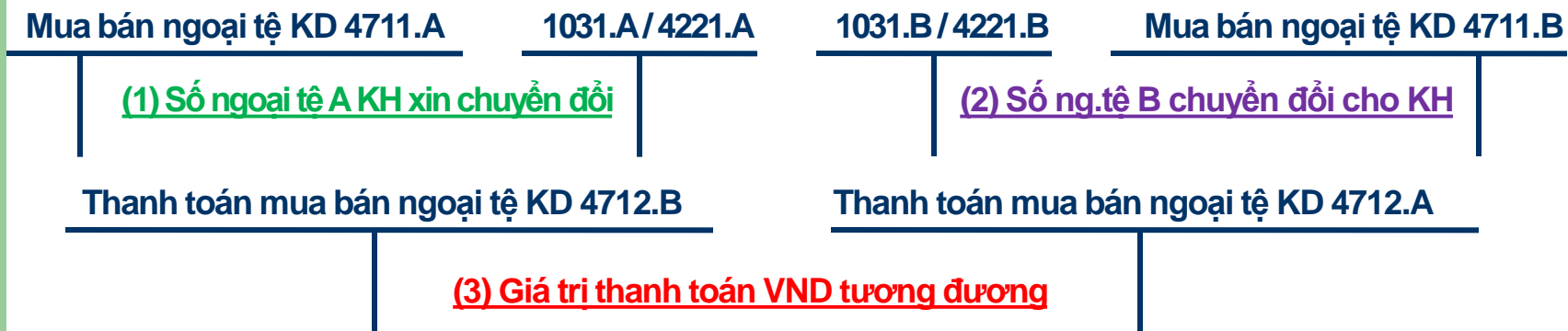
- Chứng từ gốc:
 - Đơn xin mua ngoại tệ
 - Hợp đồng mua, bán ngoại tệ

Mua, bán ngoại tệ kinh doanh - Xác định kết quả KD ngoại tệ và CL TGHĐ



Chuyển đổi ngoại tệ thanh toán trong nước

- Chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo yêu cầu thanh toán của khách hàng
- Đối với ngân hàng, thực chất chuyển đổi ngoại tệ là nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ (NH mua ngoại tệ A và bán cho KH ngoại tệ B với cùng một lượng tương đương về giá trị)



Chuyển đổi ngoại tệ

VD: KH yêu cầu đổi ngoại tệ A lấy ngoại tệ B

- Vì không có tỷ giá trực tiếp của ngoại tệ A với ngoại tệ B mà đều yết giá thông qua VNĐ nên chuyển đổi ngoại tệ bản chất là NH mua ngoại tệ A và bán ngoại tệ B cho KH.
- 2 ngoại tệ chuyển đổi cho nhau sẽ được quy ra giá trị VNĐ sao cho số VNĐ NH thu được từ mua ngoại tệ A sẽ tương đương với số VNĐ NH thu được từ bán ngoại tệ B.

Chuyển đổi ngoại tệ

- Có 3 bước hạch toán sau

+ NH thu ngoại tệ A

Nợ 1031

Có 4711.A

Số ngoại tệ A cần đổi

+ Quy đổi qua VNĐ

Nợ 4712.A: số VNĐ tương đương NT A = số
NT A * tỷ giá mua NT A của NH

Có 4711.B: số VNĐ thu về nếu bán NT B

+ Trả ngoại tệ B

Nợ 4711.B

Có 1031, 4221

Kinh doanh ngoại tệ trên thị trường Liên ngân hàng

- Là hoạt động mua bán NT giữa các trung gian tài chính với nhau.
- Mục đích
 - + Tìm kiếm lợi nhuận
 - + Đáp ứng nhu cầu về NT của các NH
 - + Giảm rủi ro do đa dạng hóa KDNT trên các thị trường
- Cơ cấu tổ chức của thị trường
 - + NHNN vừa đứng ra thành lập thị trường vừa tham gia với tư cách là người mua bán NT **cuối cùng** để đáp ứng nhu cầu của các thành viên
 - + Các NHTM tham gia với tư cách là NH thành viên.

Kinh doanh ngoại tệ trên thị trường Liên ngân hàng

- Khi có nhu cầu mua hoặc bán NT, các NH thành viên sẽ thông qua các phương tiện (điện thoại, fax, mạng điện tử) để gửi yêu cầu của mình đến thị trường. Các bên sẽ thỏa thuận nội dung mua, bán và thực hiện thanh toán trên cơ sở tài khoản tiền gửi tại NHNN.

Kinh doanh ngoại tệ trên thị trường Liên ngân hàng

- Tại NH mua ngoại tệ
 - Chi VNĐ Nợ 4712
 - Có 1113
 - Thu NT Nợ 1123
 - Có 4711
- Tại NH bán ngoại tệ
 - Thu VNĐ Nợ 1113
 - Có 4712
 - Trả NT Nợ 4711
 - Có 1123

Kết quả kinh doanh ngoại tệ

- Kết quả hoạt động KDNT xác định trên cơ sở so sánh doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động này hay giữa doanh số bán và doanh số mua. Cụ thể

Doanh số bán = NT bán ra * tỷ giá bán thực tế (doanh thu)

Doanh số mua = NT bán ra * tỷ giá mua BQ (chi phí)

$$\text{Tỷ giá mua bình quân} = \frac{\text{DN đầu kỳ 4712+PSN4712 trong kỳ}}{\text{DC đầu kỳ 4711+PSC4711 trong kỳ}}$$

Kết quả kinh doanh ngoại tệ

- Nếu doanh số bán $>$ doanh số mua ($DT > CP$) thì NH có lãi. Hạch toán tăng thu nhập từ KDNT.

Nợ 4712

Có 721

- Nếu doanh số mua $>$ doanh số bán ($DT < CP$) thì NH bị lỗ. Hạch toán tăng chi phí KDNT.

Nợ 821

Có 4712

Đánh giá lại giá trị ngoại tệ

- Khi KDNT, trong quỹ của NH luôn có lượng ngoại tệ tồn quỹ chưa bán được. Do tỷ giá biến động liên tục theo cung cầu ngoại tệ trên thị trường nên ngày cuối kỳ, NH phải đánh giá lại giá trị ngoại tệ hiện đang tồn quỹ.
- Mục đích:
 - + Theo dõi sự thay đổi về giá trị của các ngoại tệ kinh doanh
 - + Theo dõi xu hướng biến động về tỷ giá của các ngoại tệ kinh doanh để có quyết định đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của mình.

Đánh giá lại giá trị ngoại tệ

- Cuối kỳ, NH sẽ tính toán chênh lệch giá trị ngoại tệ trên cơ sở so sánh số dư trên 4711 sau khi quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá do NHNN công bố vào cuối kỳ và số dư trên 4712, phần chênh lệch sẽ được ghi vào bên có hoặc bên nợ 6311 đối ứng với 4712.
- + DC 4711 (sau khi quy ra VNĐ) > DN 4712: giá trị của ngoại tệ tăng
- + DC 4711 (sau khi quy ra VNĐ) < DN 4712: giá trị của ngoại tệ giảm

Đánh giá lại giá trị ngoại tệ

- Hạch toán

Nếu giá trị ngoại tệ tăng

Nợ 4712

Có 6311

Nếu giá trị ngoại tệ giảm

Nợ 6311

Có 4712

Bài tập 1

Ngày 5/10/N, tại NH, các nghiệp vụ sau đã phát sinh:

- Khách hàng B tới bán 200 EUR
- Công ty A yêu cầu NH thực hiện thanh toán cam kết bán 10.000 EUR để ký quỹ đảm bảo thanh toán thư tín dụng, công ty trả NH VND qua tài khoản tiền gửi thanh toán của công ty tại NH
- Công ty C bán ngay cho NH 15.000 EUR để nhận luôn 100 triệu VND tiền mặt, phần còn lại chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi VND của công ty tại NH

Biết tỷ giá EUR/VND = 30.010 – 30.030 – 30.060

Yêu cầu: xử lý và hạch toán nghiệp vụ nêu trên vào TK thích hợp

Tài khoản ký quỹ

427 TK tiền ký quỹ bằng VNĐ

4271 thanh toán séc

4272 mở LC

4273 thanh toán thẻ

428 TK tiền ký quỹ bằng NT

4281 thanh toán séc

4282 mở LC

4283 thanh toán thẻ

Bài tập 2

Ngày 30/10/N, NH phải xử lý các phát sinh sau:

1. Công ty A yêu cầu NH chuyển đổi (qua chuyển khoản) 10.000 EUR sang SGD.
2. Xác định kết quả kinh doanh và chênh lệch tỷ giá hối đoái đối với đồng USD. Biết:
 - Đầu tháng: DC 4711 = 50.000 USD; DN4712 = 795 tr.đ
 - Trong tháng: PSC 4711 = 80.000 USD; PSN 4711 = 100.000 USD
PSN 4712 = 1.271,2 tr.đ; PSC 4712 = 1.592 tr.đ
 - Tỷ giá hạch toán ngày cuối tháng = 15.910
 - Biết tỷ giá: EUR/VND = 30.010 – 30.030 – 30.060
SGD/VND = 10.560 – 10.570 – 10.590

Bài tập 3

Xác định kết quả KDNT và chênh lệch giá trị của đồng GBP trong tháng 2/2010. Biết:

Bán ra:

Ngày	2/2	bán	2000	giá bán	28.943 VND/GBP
	17/2		500		28.939
	25/2		1300		28.940

Mua vào:

Ngày	3/2	mua	2500	giá mua	28.500
	10/2		2000		28.560

Số dư đầu kỳ TK 4711: 1500 GBP

Số dư đầu kỳ TK 4712: 42.750.000 VNĐ

Tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng đối với đồng GBP
28.300 VND/GBP